

UBND QUẬN PHÚ NHUẬN
PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 334/TP

Phú Nhuận, ngày 07 tháng 9 năm 2018

V/v đơn đốc thực hiện báo cáo
về tình hình thi hành pháp luật đối với
lĩnh vực trọng tâm năm 2018

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng ban chuyên môn;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường.

Thực hiện Quyết định số 6432/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Công văn số 851/UBND-NCPC ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Phòng Tư pháp yêu cầu Thủ trưởng các phòng ban chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường thực hiện báo cáo về tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm năm 2018 như sau:

1. Phạm vi và nội dung báo cáo.

- Thời điểm chốt số liệu: từ ngày 01/10/2017 đến hết ngày 31/8/2018
- Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 18/9/2018

- Nội dung báo cáo: báo cáo tình hình theo dõi thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong ba lĩnh vực: Tài nguyên và Môi trường; Y tế; Lao động, thương binh và xã hội.

2. Hình thức báo cáo.

- Tổng hợp báo cáo theo phụ lục và các biểu mẫu kèm theo.

Lưu ý: Đối với các đơn vị là cơ quan chủ trì gửi báo cáo về phòng Tư pháp để tổng hợp đồng thời gửi báo cáo cho ngành dọc của đơn vị là các Sở, ban ngành Thành phố đúng thời hạn quy định như sau:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội.

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và Môi trường;

Phòng Y tế quận thực hiện báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực Y tế.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc các đơn vị liên hệ thông qua phòng Tư pháp (đồng chí Hằng) số điện thoại 08 38446220 để kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết.

(Đính kèm theo phụ lục báo cáo và các biểu mẫu số liệu)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TP.



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Ngọc Thảo

Đề cương báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật
(Ban hành kèm theo Công văn số 5251/STP-THPL ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Sở Tư pháp)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-.....

....., ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

**Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật
về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế;
lao động, thương binh và xã hội¹**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

1. Ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Việc triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 6432/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố (nêu cụ thể số, ký hiệu, ngày ban hành, trích yếu các văn bản, kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện).

- Liệt kê văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành để chỉ đạo, triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội (*Văn bản do đơn vị mình tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành*).

- Liệt kê văn bản của đơn vị đã ban hành để chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội trong phạm vi ngành dọc (ghi cụ thể: quyết định, kế hoạch, công văn, ...).

2. Tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP

2.1. Hoạt động tập huấn công tác theo dõi thi hành pháp luật do đơn vị trực tiếp tổ chức:

- Đối tượng được tập huấn.
- Số lượng cuộc tập huấn; nội dung tập huấn; số lượng người tham gia các buổi tập huấn.

¹ Mẫu này sử dụng cho các đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân quận, huyện (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện báo cáo về tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành mình, ví dụ Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện báo cáo tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với tất cả các lĩnh vực).

2.2. Hoạt động tập huấn công tác theo dõi thi hành pháp luật do các cơ quan, đơn vị phối hợp với cơ quan khác tổ chức thực hiện (phối hợp trong việc cử người báo cáo, viết bài, cung cấp tài liệu...): số cuộc tập huấn, nội dung phối hợp, đơn vị chủ trì tổ chức.

3. Tiếp nhận thông tin về thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội

- Số lượng thông tin phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo,... về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội nhận được (thông tin đã được kiểm tra, xác minh, đối chiếu tính xác thực của thông tin); kênh thông tin tiếp nhận (qua báo, đài, tin báo của người dân,...).

- Kết quả xử lý thông tin (số lượng thông tin đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý; số lượng thông tin chưa được xử lý).

- Phân tích các nguyên nhân dẫn đến việc chưa xử lý (nếu có).

(Cập nhật số liệu tại Mẫu số 1 đính kèm)

4. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP²

- Số cuộc kiểm tra đã thực hiện.

- Thành phần đoàn kiểm tra (cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp).

- Đối tượng được kiểm tra.

- Nội dung kiểm tra.

- Số lượng thông tin tiếp nhận qua thực hiện kiểm tra;

- Kết quả xử lý (số lượng thông tin đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý; số lượng thông tin chưa được xử lý).

- Phân tích các nguyên nhân dẫn đến việc chưa xử lý (nếu có).

(Cập nhật số liệu tại Mẫu số 1 đính kèm)

5. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

- Số cuộc, nội dung, đối tượng, hình thức điều tra khảo sát.

- Số lượng các thông tin về tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội (sau khi đã kiểm tra, xác minh, đối chiếu tính xác thực của các thông tin).

- Kết quả xử lý (số lượng thông tin đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý; số lượng thông tin chưa được xử lý).

- Phân tích các nguyên nhân dẫn đến việc chưa xử lý (nếu có).

(Cập nhật số liệu tại Mẫu số 1 đính kèm)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THI HÀNH CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; Y TẾ; LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI:

² Theo Điều 12 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Điều 8 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật gồm: kiểm tra tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật (tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản; tính thống nhất, đồng bộ của văn bản; tính khả thi của văn bản), tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật (tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật; tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật; mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật), tình hình tuân thủ pháp luật (tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền, mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân).

1. Xem xét, đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết

a) Lập danh mục văn bản đã ban hành hướng dẫn điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội:

- Văn bản của Thành phố (văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố; văn bản hành chính cá biệt của Ủy ban nhân dân Thành phố).³

- Văn bản của Sở ngành đã ban hành có liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh

b) Lập danh mục văn bản về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội địa phương phải ban hành.⁴

c) Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết của Thành phố và phân tích các nguyên nhân của việc chậm ban hành, chưa ban hành văn bản (nếu có), cụ thể như sau:

- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc rà soát, lập dự kiến danh mục, ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản quy định chi tiết do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

- Đánh giá tính đầy đủ của văn bản quy định chi tiết so với số nội dung được giao quy định chi tiết tại văn bản được quy định chi tiết.

- Đánh giá tiến độ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết trên cơ sở so sánh với thời điểm dự kiến cần phải ban hành theo Kế hoạch.

(Cập nhật số liệu tại Mẫu số 2 đính kèm)

2. Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy phạm pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội.

Thông qua hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, kết quả của hoạt động hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội, các cơ quan thực hiện đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của việc ban hành văn bản quy định chi tiết của Trung ương (Nghị định, Thông tư hướng dẫn, ...), văn bản quy định chi tiết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội trên cơ sở xem xét các nội dung cơ bản sau:

+ Sự thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết so với các văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; văn bản của chính cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được rà soát; văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cùng cấp với cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được rà soát;

+ Sự phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa và phong tục tập quán;

+ Sự phù hợp với điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, nguồn tài chính để thi hành;

³ Tham khảo Danh mục văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội được Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Công văn số 1475/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 03/5/2018 để xác định những văn bản quy phạm pháp luật nào thuộc lĩnh vực điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội.

⁴ Căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội có nội dung ủy quyền, giao quyền cho địa phương ban hành văn bản quy định chi tiết.

- + Sự hợp lý của các biện pháp giải quyết vấn đề và chế tài xử lý;
- + Sự rõ ràng của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và trình tự thủ tục thực hiện;
- + Sự rõ ràng, cụ thể của các quy định để có thể thực hiện đúng, hiểu thống nhất, thuận tiện khi thực hiện và áp dụng.

(Cập nhật số liệu tại Mẫu số 3 và 4 đính kèm)

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN CHO THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; Y TẾ; LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI.

1. Về hoạt động truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn các quy định pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội

- Hình thức, nội dung, đối tượng, số đợt tổ chức, số lượt người tham dự các buổi truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn các quy định pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội.
- Nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật đối với từng lĩnh vực, đối tượng cụ thể.
- Đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của hoạt động truyền thông, tập huấn, phổ biến pháp luật; tác động của hoạt động truyền thông, công tác tập huấn, phổ biến pháp luật đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân.

2. Về biên chế, tổ chức bộ máy

- Tình hình biên chế thực tế cho thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội (số lượng công chức, viên chức, cán bộ trực tiếp tham gia công tác quản lý nhà nước, tham mưu về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội).
- Nhu cầu biên chế cần có để đáp ứng yêu cầu công việc.
- Đánh giá về sự phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về biên chế so với nhu cầu cần có để đảm bảo tổ chức thi hành có hiệu quả quy định pháp luật.

3. Về kinh phí

- Kinh phí cho thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội được giao và nhu cầu về kinh phí cần có để triển khai thực hiện các quy định pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội.
- Đánh giá mức độ đáp ứng về kinh phí được giao so với nhu cầu cần có.

4. Về cơ sở vật chất

- Phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất cho thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội hiện có và nhu cầu cần có để triển khai thực hiện các quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp.
- Đánh giá mức độ đáp ứng phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất cho thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội hiện có so với nhu cầu cần có.

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

1. Tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế; lao động, thương binh và xã hội của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền

- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

- Số vụ việc vi phạm pháp luật⁵ của người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước được phát hiện thông qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố của cơ quan nhà nước cấp trên, giải quyết, xét xử vụ án hành chính, đấu tranh phòng chống tội phạm, công tác bồi thường của Nhà nước (nếu có).

- Lĩnh vực, nội dung vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước và phân tích nguyên nhân của vi phạm (nếu có).

(Cập nhật số liệu tại Mẫu số 5 đính kèm)

2. Tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân

Trên cơ sở kết quả thực hiện kiểm tra, thanh tra, tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật, đơn vị báo cáo tình hình tuân thủ quy định pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội của tổ chức, cá nhân. Cụ thể như sau:

- Về vi phạm pháp luật hành chính: số vụ việc đã phát hiện, số vụ việc đã xử lý (số quyết định xử phạt vi phạm hành chính), số vụ việc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý; số vụ việc chưa xử lý; lĩnh vực, nội dung vi phạm chủ yếu.

- Về vi phạm pháp luật hình sự: số vụ việc đã phát hiện, số vụ việc đã xử lý (số quyết định khởi tố vụ án, bị can...); số vụ việc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý; số vụ việc chưa xử lý; lĩnh vực, nội dung vi phạm chủ yếu.

- Phân tích nguyên nhân của việc chưa xử lý các vụ vi phạm hành chính, hình sự đã phát hiện.

(Cập nhật số liệu tại Mẫu số 6 đính kèm)

Phần thứ hai

KẾT QUẢ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC TRONG VIỆC TỔ CHỨC THI HÀNH CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; Y TẾ; LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI⁶

- Kết quả đạt được.

- Tồn tại, hạn chế.

- Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH TRONG LĨNH

⁵ Gồm: vi phạm do không thi hành kịp thời, đầy đủ, hướng dẫn chưa chính xác hoặc thiếu thống nhất các quy định pháp luật.

⁶ Đánh giá về tất cả các mặt: công tác ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai; công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn quy định pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm; các điều kiện đảm bảo cho việc thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm; tình hình tuân thủ pháp luật.

VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; Y TẾ; LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Về các điều kiện đảm bảo cho việc thi hành pháp luật
 - Công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn.
 - Tổ chức bộ máy.
 - Biên chế.
 - Kinh phí.
 - Cơ sở vật chất.
2. Về hệ thống pháp luật
 - Đối với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.
 - Đối với các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương.
3. Các đề xuất, kiến nghị khác.

Nơi nhận:

.....⁷

⁷ Quyền hạn và chức vụ của người ký Báo cáo.

Mẫu số 1

**BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT
VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG; Y TẾ; LAO ĐỘNG, THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

(Kèm theo Báo cáo số/..... ngày/...../..... của.....)

I. Thông tin tiếp nhận thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo, báo cáo, phản ánh của cá nhân, tổ chức

Tên lĩnh vực	Tiếp nhận thông tin			Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật					Ghi chú (giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột)
	Số lượng thông tin tiếp nhận thông qua giải quyết tố cáo	Số lượng thông tin tiếp nhận thông qua giải quyết khiếu nại	Số lượng thông tin tiếp nhận thông qua hình thức khác	Số lượng thông tin đã xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý	Số lượng thông tin chưa xử lý, chưa kiến nghị xử lý				
					Số lượng	Số thứ tự	Nội dung thông tin	Lý do	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tài nguyên và môi trường									
Y tế									
Lao động, thương binh và xã hội									

Hướng dẫn cách ghi các cột:

1. Cột (2), (3), (4): Chỉ thống kê các thông tin đã được kiểm tra, kiểm chứng, khẳng định được tính chính xác.
2. Số liệu Cột (2) + Cột (3) + Cột (4) = Cột (5) + Cột (6).
3. Cột (7): Đánh số thứ tự từng thông tin tương ứng với số lượng thông tin ở Cột (6).
4. Cột (8), (9): Ghi cụ thể nội dung thông tin chưa xử lý hoặc chưa kiến nghị xử lý, lý do của việc chưa xử lý, chưa kiến nghị xử lý.
5. Cột (10): Giải thích lý do không điền được thông tin ở từng cột hoặc ở tất cả các cột (ví dụ: không có thông tin, không thuộc phạm vi quản lý nên không có số liệu, không thống kê được, không tách được số liệu...).

II. Thông tin tiếp nhận thông qua điều tra, khảo sát

Tên lĩnh vực	Số cuộc điều tra, khảo sát	Số lượng thông tin tiếp nhận	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật					Ghi chú (giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột)
			Số lượng thông tin đã xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý	Số lượng thông tin chưa xử lý, chưa kiến nghị xử lý				
				Số lượng	Số thứ tự	Nội dung thông tin	Lý do	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tài nguyên và môi trường								
Y tế								
Lao động, thương binh và xã hội								

Hướng dẫn cách ghi các cột:

1. Cột (3): Chỉ thống kê các thông tin đã được kiểm tra, kiểm chứng, khẳng định được tính chính xác.
2. Cột (6): Đánh số thứ tự từng thông tin tương ứng với số lượng thông tin ở Cột (5).
3. Cột (7), (8): Ghi cụ thể nội dung thông tin chưa xử lý hoặc chưa kiến nghị xử lý, lý do của việc chưa xử lý, chưa kiến nghị xử lý.
4. Cột (9): Giải thích lý do không điền được thông tin ở từng cột hoặc ở tất cả các cột (ví dụ: không có thông tin, không thống kê được, không tách được số liệu ...).

III. Thông tin tiếp nhận thông qua kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP

Tên lĩnh vực	Số cuộc kiểm tra	Số lượng thông tin tiếp nhận	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật					Ghi chú (giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột)
			Số lượng thông tin đã xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý	Số lượng thông tin chưa xử lý, chưa kiến nghị xử lý				
				Số lượng	Số thứ tự	Nội dung thông tin	Lý do	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tài nguyên và môi trường								
Y tế								
Lao động, thương binh và xã hội								

Hướng dẫn cách ghi các cột:

- Số liệu Cột (3) = Cột (4) + Cột (5).
- Cột (6): Đánh số thứ tự từng thông tin tương ứng với số lượng thông tin ở Cột (5).
- Cột (7), (8): Ghi cụ thể nội dung thông tin chưa được xử lý hoặc chưa kiến nghị xử lý, lý do của việc chưa xử lý, chưa kiến nghị xử lý.
- Cột (9): Giải thích lý do không điền được thông tin ở từng cột hoặc ở tất cả các cột (ví dụ: không có thông tin, không thống kê được, không tách được số liệu...).

Mẫu số 2

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THEO DÕI TÍNH KỊP THỜI, ĐẦY ĐỦ CỦA VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN
QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; Y
TẾ; LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(Kèm theo Báo cáo số/..... ngày/...../..... của.....)

	Luật, văn bản dưới luật của Trung ương được quy định chi tiết				Văn bản quy định chi tiết của Thành phố/Quận, huyện						
Lĩnh vực	STT	Tên, số, ký hiệu văn bản	Ngày có hiệu lực	Điều khoản, điểm và nội dung giao quy định chi tiết	Tên văn bản quy định/dự kiến quy định chi tiết	Thời gian ban hành (theo kế hoạch)	Tình trạng hiện nay				Ghi chú
							Đã ban hành (Tên, số, ký hiệu văn bản ngày ban hành và ngày có hiệu lực)	Chưa ban hành			
								Đang soạn thảo	Thẩm định	Đã trình cơ quan có thẩm quyền ban hành	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tài nguyên và môi trường											
Y tế											
Lao động, thương binh và xã hội											

Hướng dẫn cách ghi các cột:

1. Cột (2): Đánh số thứ tự từng văn bản theo từng lĩnh vực (Tài nguyên và môi trường; y tế; lao động, thương binh và xã hội) tương ứng ở Cột (1).
2. Cột (5): Ghi nội dung giao quy định chi tiết, đồng thời ghi tên điều, khoản giao quy định chi tiết. Ví dụ: K2 Đ3, K5 Đ7,...
3. Cột (6): Ghi tên từng văn bản (văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính cá biệt) của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở, ngành, và từng văn bản (văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính cá biệt) của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận/huyện.
4. Cột (7): Ghi thời gian ban hành văn bản quy định chi tiết theo Kế hoạch ban hành văn bản quy định chi tiết.
5. Cột (9), (10), (11): Đánh dấu (X) vào cột tương ứng với tình trạng tại thời điểm báo cáo.
6. Cột (10): Đối với các văn bản không cần thẩm định thì không cần phải ghi.
8. Cột (12): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

Mẫu số 3

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH
TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; Y TẾ; LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CÓ NỘI DUNG KHÔNG BẢO
ĐẢM TÍNH THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ (*)**

(Kèm theo Báo cáo số/..... ngày/...../..... của.....)

Lĩnh vực	Tên văn bản quy định chi tiết	Điều khoản không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ	Căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ	Tình trạng xử lý				Ghi chú
				Đã xử lý theo thẩm quyền	Đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	Đã phát hiện nhưng chưa xử lý theo thẩm quyền hoặc chưa kiến nghị xử lý	Lý do	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tài nguyên và môi trường								
Y tế								
Lao động, thương binh và xã hội								

Hướng dẫn cách ghi các cột:

(*) Các văn bản quy định chi tiết được đề cập ở Phụ lục này là: Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư, Thông tư liên tịch của Bộ Trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân các cấp.

1. Cột (2): Ghi rõ tên, cơ quan, thời điểm ban hành văn bản có chứa quy định không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.
2. Cột (3): Nêu rõ tên và nội dung điều, khoản, điểm trong văn bản không đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ.
3. Cột (4): Nêu rõ căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ: trái, mâu thuẫn, chồng chéo với nội dung nào của văn bản làm cơ sở để xem xét, đối chiếu.
4. Cột (5), (6): Cần ghi rõ hình thức xử lý: hủy bỏ, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ thi hành.
5. Cột (7): Ghi rõ chưa xử lý theo thẩm quyền hay chưa kiến nghị xử lý.
6. Cột (8): Ghi cụ thể lý do của việc chưa xử lý, chưa kiến nghị xử lý.
7. Cột (9): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

Mẫu số 4

DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; Y TẾ; LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CÓ NỘI DUNG KHÔNG BẢO ĐẢM TÍNH KHẢ THI

(Kèm theo Báo cáo số/..... ngày .../.../... của.....)

Lĩnh vực	Tên, số, ký hiệu, ngày ban hành văn bản quy định chi tiết	Điều, khoản, điểm và nội dung không bảo đảm tính khả thi	Lý do không bảo đảm tính khả thi					Tình trạng xử lý				Lý do
			a	b	c	d	đ	Đã xử lý theo thẩm quyền	Đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	Đã phát hiện nhưng chưa xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
Tài nguyên và môi trường												
Y tế												
Lao động, thương binh và xã hội												

Hướng dẫn cách ghi các cột:

1. Cột (2): Ghi rõ tên, cơ quan, thời điểm ban hành văn bản có nội dung không bảo đảm tính khả thi.
2. Cột (3): Nếu rõ nội dung không bảo đảm tính khả thi, đồng thời ghi tên điều, khoản, điểm trong văn bản có nội dung không bảo đảm tính khả thi.

1. Cột (2): Ghi rõ tên, cơ quan, thời điểm ban hành văn bản có chứa quy định không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.
2. Cột (3): Nếu rõ tên và nội dung điều, khoản, điểm trong văn bản không đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ.
3. Cột (4): Nếu rõ căn cứ pháp lý xác định nội dung không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ: trái, mâu thuẫn, chồng chéo với nội dung nào của văn bản làm cơ sở để xem xét, đối chiếu.
4. Cột (5), (6): Cần ghi rõ hình thức xử lý: hủy bỏ, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ thi hành.
5. Cột (7): Ghi rõ chưa xử lý theo thẩm quyền hay chưa kiến nghị xử lý.
6. Cột (8): Ghi cụ thể lý do của việc chưa xử lý, chưa kiến nghị xử lý.
7. Cột (9): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không diễn được thông tin vào các cột trước đó.

Mẫu số 3

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH
TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; Y TẾ; LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CÓ NỘI DUNG KHÔNG BẢO
ĐẢM TÍNH THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ (*)**

(Kèm theo Báo cáo số/..... ngày/...../..... của.....)

Lĩnh vực	Tên văn bản quy định chi tiết	Điều khoản không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ	Căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ	Tình trạng xử lý				Ghi chú
				Đã xử lý theo thẩm quyền	Đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	Đã phát hiện nhưng chưa xử lý theo thẩm quyền hoặc chưa kiến nghị xử lý	Lý do	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tài nguyên và môi trường								
Y tế								
Lao động, thương binh và xã hội								

Hướng dẫn cách ghi các cột:

(*) Các văn bản quy định chi tiết được đề cập ở Phụ lục này là: Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư, Thông tư liên tịch của Bộ Trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân các cấp.

1. Cột (2): Ghi rõ tên, cơ quan, thời điểm ban hành văn bản có chứa quy định không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.
2. Cột (3): Nêu rõ tên và nội dung điều, khoản, điểm trong văn bản không đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ.
3. Cột (4): Nêu rõ căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ: trái, mâu thuẫn, chồng chéo với nội dung nào của văn bản làm cơ sở để xem xét, đối chiếu.
4. Cột (5), (6): Cần ghi rõ hình thức xử lý: hủy bỏ, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ thi hành.
5. Cột (7): Ghi rõ chưa xử lý theo thẩm quyền hay chưa kiến nghị xử lý.
6. Cột (8): Ghi cụ thể lý do của việc chưa xử lý, chưa kiến nghị xử lý.
7. Cột (9): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

Mẫu số 4

DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; Y TẾ; LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CÓ NỘI DUNG KHÔNG BẢO ĐẢM TÍNH KHẢ THI

(Kèm theo Báo cáo số/..... ngày .../.../... của.....)

Lĩnh vực	Tên, số, ký hiệu, ngày ban hành văn bản quy định chi tiết	Điều, khoản, điểm và nội dung không bảo đảm tính khả thi	Lý do không bảo đảm tính khả thi					Tình trạng xử lý			
			a	b	c	d	đ	Đã xử lý theo thẩm quyền	Đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	Đã phát hiện nhưng chưa xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tài nguyên và môi trường											
Y tế											
Lao động, thương binh và xã hội											

Hướng dẫn cách ghi các cột:

1. Cột (2): Ghi rõ tên, cơ quan, thời điểm ban hành văn bản có nội dung không bảo đảm tính khả thi.
2. Cột (3): Nêu rõ nội dung không bảo đảm tính khả thi, đồng thời ghi tên điều, khoản, điểm trong văn bản có nội dung không bảo đảm tính khả thi.

3. Cột (4): Tính khả thi của văn bản quy định chi tiết được đánh giá trên cơ sở xem xét sự phù hợp của các quy định với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa và phong tục tập quán (Điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP).
4. Cột (5): Tính khả thi của văn bản quy định chi tiết được đánh giá trên cơ sở xem xét sự phù hợp của các quy định với điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, nguồn tài chính để thi hành (Điểm b Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP).
5. Cột (6): Tính khả thi của văn bản quy định chi tiết được đánh giá trên cơ sở xem xét sự hợp lý của các biện pháp giải quyết vấn đề và chế tài xử lý (Điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP).
6. Cột (7): Tính khả thi của văn bản quy định chi tiết được đánh giá trên cơ sở xem xét sự rõ ràng của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và trình tự, thủ tục thực hiện (Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP).
7. Cột (8): Tính khả thi của văn bản quy định chi tiết được đánh giá trên cơ sở xem xét sự rõ ràng, cụ thể của các quy định để có thể thực hiện đúng, hiệu thống nhất, thuận tiện khi thực hiện và áp dụng (Điểm đ Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP).
8. Cột (11): Ghi cụ thể chưa xử lý theo thẩm quyền hay chưa kiến nghị xử lý.
9. Cột (12): Ghi cụ thể lý do của việc chưa xử lý, chưa kiến nghị xử lý.

Mẫu số 5

SỐ VỤ VIỆC VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; Y TẾ;
LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số/..... ngày/...../..... của.....)

Lĩnh vực	Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra			Thông qua công tác điều tra, truy tố			Thông qua công tác giải quyết kh khiếu nại, tố cáo		
	Số vụ việc phát hiện	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc phát hiện	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ khiếu nại, tố cáo có kết luận người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước vi phạm	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tài nguyên và môi trường									
Y tế									
Lao động, thương binh và xã hội									

Hướng dẫn cách ghi các cột:

Cột (9), (10): Ghi số vụ việc đã giải quyết, chưa giải quyết theo các yêu cầu được nêu trong kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Cột (8).

Mẫu số 6

SỐ VỤ VIỆC VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; Y TẾ; LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Báo cáo số/..... ngày/...../..... của.....)

Lĩnh vực	Vi phạm pháp luật hành chính			Vi phạm pháp luật hình sự		
	Số vụ việc phát hiện	Số vụ việc đã xử lý	Số vụ việc chưa xử lý	Số vụ việc phát hiện	Số vụ việc đã xử lý	Số vụ việc chưa xử lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tài nguyên và môi trường						
Y tế						
Lao động, thương binh và xã hội						

Hướng dẫn cách ghi các cột:

- Số liệu Cột (2) = Cột (3) + Cột (4)
- Số liệu Cột (5) = Cột (6) + Cột (7)